

Bản án số: 27/2024/DS-ST
Ngày: 15-4-2024
V/v: “Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”

NHÂN DANH
NUỐC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH, TỈNH BÌNH THUẬN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Mai Thuận.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Hoàng Phúc và ông Mai Thương.

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Bùi Chí Bảo – Thư ký Toà án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Hải Linh – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đức Linh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 240/2023/TLST-DS ngày 09 tháng 10 năm 2023, về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 66/2024/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 3 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 49/2024/QĐST-DS ngày 21 tháng 3 năm 2024 của Toà án nhân dân huyện Đức Linh, giữa các bên đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Bà Huỳnh Thị H, sinh năm 1975; nơi cư trú: Số nhà 48, đường Tôn Đức Thắng, tổ 3, khu phố 3, thị trấn Xv, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

- ***Bị đơn:*** Anh Nguyễn Tiến Đ, sinh năm 1989; nơi cư trú: Số 33, đường Cách mạng tháng tám, khu phố 9, thị trấn Xv, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Ông Nguyễn Đ T, sinh năm 1967; nơi cư trú: Số nhà 48, đường Tôn Đức Thắng, tổ 3, khu phố 3, thị trấn Xv, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Đ T là bà Huỳnh Thị H. (Theo Giấy ủy quyền lập ngày 18/10/2023 tại Văn phòng công chứng Nguyễn Thị Thùy Trang)

2/ Chị Trần Thị Kim L, sinh năm 1991; nơi cư trú: Khu phố 7, thị trấn Xv, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

Tại phiên tòa, có mặt bà Huỳnh Thị H; vắng mặt ông Nguyễn Tiến Đ và bà Trần Thị Kim L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày:

Xuất phát từ mối quan hệ quan hệ quen biết nhau. Vào ngày 19/01/2023, ông Nguyễn Tiến Đ có vay của bà H số tiền 960.000.000 đồng, lúc vay ông Đ nói vay để xử lý việc gia đình, hai bên không thỏa Thuận thời hạn vay, lãi suất thỏa Thuận miệng là 4%/tháng. Tuy nhiên, kể từ ngày vay tiền cho đến nay, ông Đ không thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi cho bà H, mặc dù bà H đã nhiều lần liên hệ nhưng ông Đ cứ né tránh và hứa hẹn nhiều lần. Do đó, bà H khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Tiến Đ và vợ là Trần Thị Kim L trả số tiền nợ vay gốc là 960.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh tính từ ngày vay 19/01/2023 đến khi trả xong nợ vay gốc, với mức lãi suất 20%/năm.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn trình bày:

Ông Nguyễn Tiến Đ không đồng ý trả cho bà H số tiền nợ gốc 960.000.000 đồng và lãi 128.000.000 đồng, bởi vì trước đây ông Đ chỉ mượn bà H số tiền 350.000.000 đồng, sau một thời gian thì bà H cộng dồn tiền lãi và tiền gốc lại với nhau thành 960.000.000 đồng nên ông Đ không đồng ý. Ông Đ thừa nhận chữ viết và chữ ký của ông Đ trong giấy mượn tiền lập ngày 19/01/2023 do bà H cung cấp chính là chữ ký và chữ viết tên của ông Đ, khi lập giấy nợ thì hai bên có thỏa Thuận miệng tiền lãi với mức 6%/tháng và không có thỏa Thuận cũng như ấn định ngày trả, mục đích ông Đ mượn tiền của bà H để cho người khác mượn lại, vợ ông Đ không biết khoản vay này.

Quá trình giải quyết vụ án, Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Đ T thống nhất với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đối với Bà Trần Thị Kim L: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo hòa giải, giấy triệu tập và Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho bà L, tuy nhiên bà L không cung cấp ý kiến, tài liệu chứng cứ để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bà L đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu ông Nguyễn Tiến Đ và bà Trần Thị Kim L có nghĩa vụ thanh toán số tiền nợ gốc là 960.000.000 đồng và thay đổi yêu cầu về tính lãi như sau: Nguyên đơn yêu cầu tính lãi tính từ ngày 19/01/2023 đến ngày 15/4/2024, với mức lãi suất 10%/năm.

Bị đơn Nguyễn Tiến Đ và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Thị Kim L vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Đ T thống nhất với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ Linh tại phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Thư ký Tòa án và Hội đồng xét xử trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng được pháp luật quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn và

người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Đ T đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ được quy định tại các Điều 70, 71, 73 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Kim L chưa thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 72, 73 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Qua nghiên cứu xem xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của các bên đương sự tại phiên tòa hôm nay, xét thấy việc nguyên đơn khởi kiện là hoàn toàn có cơ sở. Đề nghị Hội đồng xét xử buộc ông Nguyễn Tiến Đ và bà Trần Thị Kim L có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Huỳnh Thị H, ông Nguyễn Đ T số tiền nợ vay gốc là 960.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh theo quy định.

Về án phí: Buộc ông Đ và bà L phải chịu án phí theo quy định.

(Có bài phát biểu kèm theo)

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Nguyên đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với bị đơn; bị đơn có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại thị trấn Xv, huyện Đ Linh, tỉnh Bình Thuận

Căn cứ các Điều 463 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản Tộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ Linh, tỉnh Bình Thuận.

[2] Về tố tụng: Bị đơn Nguyễn Tiến Đ và Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Thị Kim L đã được tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt và không có đơn xin xét xử vắng mặt.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Tòa án nhân dân huyện Đ Linh xét xử vắng mặt ông Nguyễn Tiến Đ và bà Trần Thị Kim L.

[3] Về chứng cứ: Tại phiên tòa, các bên đương sự không nộp tài liệu, chứng cứ mới để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ tài liệu, chứng cứ mà đương sự đã giao nộp có trong hồ sơ vụ án và Tòa án đã T thập được theo khoản 1 Điều 96 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vụ án.

[4] Về nội dung: Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định nội dung vụ án như sau:

[4.1] Về tính pháp lý của giao dịch dân sự:

Quá trình giải quyết vụ án, bà H và ông Đ đều thừa nhận ông Đ có ký và viết tên vào giấy mượn tiền lập ngày 19/01/2023; đây là tình tiết, sự kiện pháp lý đã

được các bên đương sự thừa nhận nên Tộc trường hợp không phải chứng minh được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Theo nội dung thể hiện trong các tài liệu do nguyên đơn cung cấp và được bị đơn thừa nhận thì có cơ sở xác định đây là hợp đồng vay tài sản, lập thành văn bản, không có thỏa Thuận thời hạn vay, có thỏa Thuận lãi suất vay (thỏa Thuận miêng) và các thỏa Thuận khác. Tại thời điểm xác lập giao dịch vay tiền hai bên đều đầy đủ năng lực hành vi dân sự, các thỏa Thuận không trái pháp luật, không trái đạo Đ xã hội; do đó giấy mượn tiền đề ngày 19/01/2023 giữa ông Đ với bà H đảm bảo các quy định tại Điều 117, 118, 119 và 463 của Bộ luật dân sự, nên được pháp luật dân sự bảo vệ.

Căn cứ khoản 2 Điều 469, Điều 429 của Bộ luật dân sự năm 2015, nguyên đơn có quyền khởi kiện bị đơn bất kỳ lúc nào.

[4.2] Về xác định nghĩa vụ trả nợ vay:

Tại Điều 466 của Bộ luật dân sự quy định nghĩa vụ trả nợ của bên vay như sau:

“1. Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa Thuận khác.”

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn xác nhận cho vợ chồng ông Đ vay số tiền 960.000.000 đồng đúng như giấy mượn tiền lập ngày 19/01/2023 và yêu cầu vợ chồng bị đơn có nghĩa vụ liên đới trả cho vợ chồng nguyên đơn số tiền nợ gốc nêu trên và tiền lãi phát sinh theo quy định; bị đơn thừa nhận chỉ vay của vợ chồng bà H, ông T số tiền 350.000.000 đồng; số tiền 960.000.000 đồng thể hiện trong giấy mượn tiền đề ngày 19/01/2023 là gồm tiền nợ gốc, lãi do bà H cộng lại và yêu cầu ông Đ ký nhận nợ, cho nên ông Đ không đồng ý với số tiền 960.000.000 đồng nợ gốc mà bà H khởi kiện. Tuy nhiên, ông Đ không cung cấp được tài liệu chứng cứ để chứng minh lời khai của ông Đ là có căn cứ.

Do đó, căn cứ vào giấy mượn tiền lập ngày 19/01/2023, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H.

Về xác định người có nghĩa vụ thanh toán: Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn cho rằng việc mượn tiền của bà H là để sử dụng vào mục đích cho người khác vay lại nhưng không chứng minh được; đối với bà L, Tòa án đã phối hợp với chính quyền địa phương để trực tiếp ghi nhận ý kiến nhưng bà L không hợp tác, không cung cấp tài liệu chứng cứ để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình; tại phiên tòa nguyên đơn khẳng định số tiền mà nguyên đơn cho mượn trong vụ án này là tài sản chung của vợ chồng nguyên đơn; mặt khác, việc ông Đ mượn tiền của bà H được xác lập trong thời kỳ hôn nhân giữa ông Đ và bà L. Ông Đ không chứng minh được đây là nghĩa vụ riêng của ông trong thời kỳ hôn nhân với bà L, mặt khác tại giấy mượn tiền có nội dung *“Nếu sau này vợ chồng tôi không hoàn trả đúng số tiền và thời gian nói trên. Vợ chồng tôi xin chịu hoàn toàn trước pháp luật”*. Do đó, nguyên đơn yêu cầu ông Đ và bà L liên đới thanh toán cho bà H và ông T số tiền nợ

vay 960.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh là hoàn toàn phù hợp quy định tại Điều 33 và 37 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[4.3] Về lãi suất: Theo lời khai nhận của bà H và ông Đ thì hai bên thỏa Thuận miệng về lãi suất; tuy nhiên bà H khai lãi suất thỏa Thuận là 4%, còn ông Đ khai nhận lãi suất là 6%. Do các bên không thống nhất về mức lãi suất thỏa Thuận và có tranh chấp về lãi suất nên căn cứ khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015, Hội đồng xét xử quyết định áp dụng mức lãi suất 10%/năm đối với từng khoản vay tương ứng với thời gian vay đến thời điểm xét xử sơ thẩm, cụ thể như sau:

Từ ngày 19/01/2023 đến 15/04/2024 là 01 năm 02 tháng 26 ngày x 10%/năm x 960.000.000 đồng = 118.838.000 đồng.

Nguyên đơn yêu cầu bên có nghĩa vụ tiếp tục chịu lãi suất đối với số tiền còn phải thi hành án đến khi thi hành án xong là phù hợp quy định tại Điều 357, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 và Điều 13 của Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí DSST; buộc ông Đ và bà L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo luật định đối với phần yêu cầu khởi kiện được chấp nhận.

[6] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ Linh về việc giải quyết vụ án phù hợp với những nhận định nêu trên.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm g khoản 1 Điều 40; Điều 92; Điều 93; Điều 95; Điều 227, Điều 228, Điều 235, khoản 1 Điều 147; Điều 161, Điều 262; Điều 271 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015; Điều 33 và 37 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức T, miễn, giảm, T, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Điều 26 của Luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Huỳnh Thị H.

Buộc ông Nguyễn Tiến Đ và bà Trần Thị Kim L có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Huỳnh Thị H và ông Nguyễn Đ T số tiền 1.078.838.000 (bằng chữ: một tỷ, không trăm bảy mươi tám triệu, tám trăm ba mươi tám nghìn) đồng. Trong đó, tiền nợ gốc là 960.000.000 (bằng chữ: chín trăm sáu mươi triệu) đồng, tiền lãi 118.838.000 (bằng chữ: một trăm mười tám triệu, tám trăm ba mươi tám nghìn) đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa Thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa Thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2/ Về án phí:

- Buộc ông Nguyễn Tiến Đ và bà Trần Thị Kim L phải nộp số tiền 44.365.000 (bằng chữ: bốn mươi bốn triệu, ba trăm sáu mươi lăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm. Án phí nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ Linh.

- Trả lại cho bà Huỳnh Thị H số tiền 22.320.000 (bằng chữ: Hai mươi hai triệu, ba trăm hai mươi nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ Linh theo biên lai T tiền số: 0017590 ngày 09 tháng 10 năm 2023.

3/ Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết, để Tòa án cấp trên xét xử theo trình tự phúc thẩm.

4/ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Đ Linh;
- Chi cục THADS huyện Đ Linh;
- Lưu hồ sơ vụ án, tập án văn;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Mai Thuận